

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-3-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liễu.

2. Ông Hoàng Văn Đông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Tăng Công L, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: 26, phố 7, ấp 4, xã P huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 42B, phố 6, ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. ***Bị đơn:*** Anh Tsân Cá L1, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 26, phố 7, ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: 42B, phố 6, ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2022; biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/11/2022 nguyên đơn là chị Tăng Công L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tsân Cá L1 tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2000 Nng đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Phú Lợi, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2001. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L1 không chung thủy mà lại có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Khi biết chuyện thì chị có khuyên can Nng anh L1 lại đánh đập chị. Mặc khác, cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh L1 luôn bất đồng quan điểm sống do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa trong cuộc sống. Chị và anh L1 đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ tháng 4/2022 đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh L1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tsần Cá L1.

- Về con chung: Chị và anh Tsần Cá L1 có 03 con chung tên là Stàn Ký V, sinh ngày 12/4/2003; Tsần Lê T, sinh ngày 20/01/2011 và Tsần Lê N, sinh năm 17/6/2014. Đối với cháu V đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Đối với cháu T và cháu N thì chị tự nguyện giao anh L1 được trực tiếp nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Tsần Cá L1 không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Tsần Cá L1: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 220/TB-TLVA ngày 04 tháng 10 năm 2022 cho anh L1 nhưng không tổng đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Anh Tsần Cá L1 không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải Nng anh L1 không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó anh L1 không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh L1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; chị L và anh L1 đã sống ly thân không ai còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nên yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

Về con chung: Đối với con chung cháu Tsần V Ký, sinh ngày 12/4/2003 đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Tsần Lệ T, sinh ngày 20/01/2011 và Tsần Lệ N, sinh năm 17/6/2014, hiện đang do anh L1 nuôi dưỡng và cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với anh L1. Vì vậy, để tránh xáo trộn về tinh thần cũng N sự phát triển của cháu T và cháu N cần tiếp tục giao con chung tên T và N cho anh L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh L1 không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Tăng Công L chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Tsần Cá L1 hiện cư trú tại ấp 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Tăng Công L yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Tsần Cá L1, yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Tăng Công L là nguyên đơn; anh Tsần Cá L1 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Tăng Công L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Tsần Cá L1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về Luật áp dụng: Chị Tăng Công L và anh Tsần Cá L1 đăng ký kết hôn năm 2001 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị L và anh L1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Phú Lợi, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2001 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị L: Chị L xin ly hôn với lý do anh L1 không chung thủy, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống và chị L cũng không còn tình cảm với anh L1. Qua thu thập

chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị L và anh L1 thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chăm lo cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày của chị L, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị L và anh L1 thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh L1 không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện anh L1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh L1 đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh L1.

[7] Về con chung: Chị L và anh L1 có 03 con chung tên là Stàn Ký V, sinh ngày 12/4/2003; Tsần Lê T, sinh ngày 20/01/2011 và Tsần Lê N, sinh năm 17/6/2014. Đối với cháu V đã thành niên, phát triển bình thường và có khả năng lao động nên chị L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung tên T và N, qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện cháu T và cháu N đang do anh L1 nuôi dưỡng, các cháu đều phát triển bình thường, khỏe mạnh và hiện đang được anh L1 chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục tốt, cuộc sống đang ổn định dù vợ chồng đã sống ly thân. Cháu T và cháu N đều có nguyện vọng được ở cùng với anh L1, chị L cũng đồng ý giao con chung chưa thành niên là cháu T và cháu N cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Vì vậy, giao con chung chưa thành niên là Tsần Lê T, sinh ngày 20/01/2011 và Tsần Lê N, sinh năm 17/6/2014 cho anh L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L1 không có yêu cầu.

Chị L có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Chị L chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 85, 89, 91, 92, 93, 94 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tăng Công L. Chị Tăng Công L được ly hôn với anh Tsân Cá L1.

2) Về con chung: Giao cháu Tsân Lê T, sinh ngày 20/01/2011 và Tsân Lê N, sinh năm 17/6/2014 cho anh L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời chị L không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L1 không có yêu cầu.

Chị L có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Tăng Công L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai số 0003741 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị L đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Chị Tăng Công L và anh Tsân Cá L1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Lợi
(GCNKH số 114, ngày 02/10/2001);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

